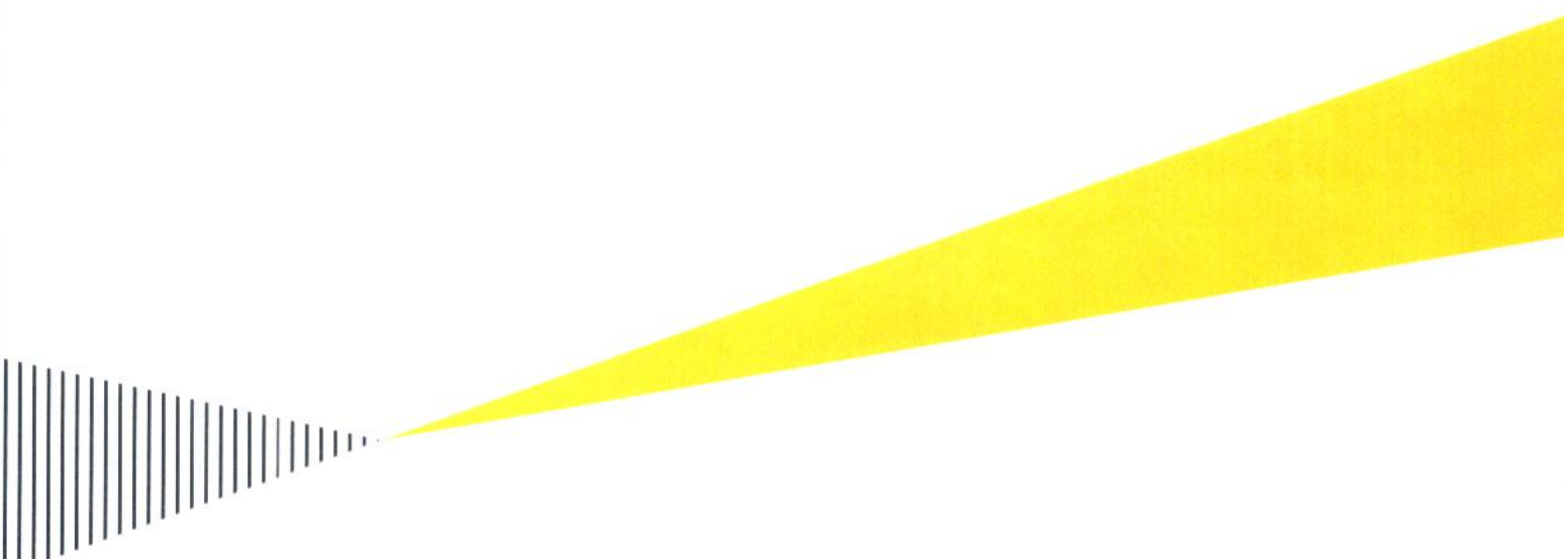


Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

Báo cáo của Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2013



Building a better
working world

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐC ngày 5 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") về thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở đặt tại L9-12A, tầng 9, tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Văn Trọng	Chủ tịch	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Trưởng ban	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Doãn Văn Nho	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Văn Trọng	Tổng Giám đốc	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Bà Lê Thị Kim Hoàng	Kế toán Trưởng	Ngày 1 tháng 8 năm 2008

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Văn Trọng, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Số tham chiếu: 61065594/16468448

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt (“Công ty”), được lập vào ngày 25 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 10 tháng 1 năm 2013.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTQ

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		24.797.042.088	24.653.378.010
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	18.998.623.154	6.081.420.353
111	1. Tiền		9.034.469.659	3.708.420.353
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.964.153.495	2.373.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	401.045.000	18.109.372.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		401.045.000	18.109.372.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.397.373.934	449.385.657
131	1. Phải thu khách hàng	6	5.038.677.000	-
132	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	230.172.344	228.542.077
135	3. Các khoản phải thu khác	8	128.524.590	220.843.580
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		-	13.200.000
154	1. Tài sản ngắn hạn khác		-	13.200.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.638.915.501	2.609.207.708
220	I. Tài sản cố định		76.009.358	145.700.758
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	76.009.358	145.700.758
222	Nguyên giá		575.294.000	726.441.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(499.284.642)	(580.740.339)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	Nguyên giá		93.315.600	121.752.520
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(93.315.600)	(121.752.520)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	2.177.225.000	2.177.225.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		2.177.225.000	2.177.225.000
260	III. Tài sản dài hạn khác	12	385.681.143	286.281.950
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		218.699.193	286.281.950
268	2. Tài sản dài hạn khác		166.981.950	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.435.957.589	27.262.585.718

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTQ

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		541.325.793	540.214.682
310	I. Nợ ngắn hạn		541.325.793	540.214.682
312	1. Phải trả người bán	13	46.034.469	137.125.246
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	458.003.674	373.389.436
316	3. Chi phí phải trả		22.400.000	29.700.000
319	4. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		14.887.650	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.894.631.796	26.722.371.036
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	25.000.000.000	25.000.000.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.894.631.796	1.722.371.036
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.435.957.589	27.262.585.718

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		401.045.000	549.372.000
	Trong đó:			
	- Chứng khoán giao dịch		41.045.000	549.372.000
	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		360.000.000	-
020	2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		2.177.225.000	2.177.225.000
030	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	16	7.163.889.017	8.022.949.506
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		7.163.889.017	8.022.949.506
040	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	17	75.870.630.000	99.443.326.000
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		75.870.630.000	99.443.326.000
050	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	18	27.641.244.851	3.421.089.417
051	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	19	423.207.104	1.415.710.256

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu	20	4.306.157.325	2.886.828.636
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		4.306.157.325	2.886.828.636
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	(922.144.330)	(1.732.097.180)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.384.012.995	1.154.731.456
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.144.826.235	2.913.643.453
22	7. Chi phí tài chính	23	(323.856.011)	-
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(2.795.748.038)	(1.851.626.274)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.409.235.181	2.216.748.635
31	10. Thu nhập khác		-	10.654.250
32	11. Chi phí khác		-	-
40	12. Lợi nhuận khác		-	10.654.250
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		2.409.235.181	2.227.402.885
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(536.974.421)	(505.031.849)
52	15. Thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.872.260.760	1.722.371.036
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	749	689

Người lập:



Người kiểm soát:




Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02-CTQ

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		4.304.527.058	2.892.492.119
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(959.731.253)	(1.735.495.272)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.111.246.100)	(373.521.500)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	25	(471.468.633)	-
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		31.711.811.477	10.592.661.249
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(20.484.651.757)	(26.662.229.701)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) trong hoạt động kinh doanh		12.989.240.792	(15.286.093.105)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	9	(33.440.000)	-
27	2. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		1.661.402.009	293.996.750
30	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		1.627.962.009	293.996.750

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-CTQ

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.700.000.000)	(1.007.840.242)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động tài chính		(1.700.000.000)	(1.007.840.242)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.917.202.801	(15.999.936.597)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	6.081.420.353	22.081.356.950
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	18.998.623.154	6.081.420.353

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B05-CTQ

VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2012	Ngày 1 tháng 1 năm 2013	Năm 2012		Năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		1.007.840.242	1.722.371.036	2.171.214.098	(1.456.683.304)	1.872.260.760	(1.700.000.000)	1.722.371.036	1.894.631.796
TỔNG CỘNG		26.007.840.242	26.722.371.036	2.171.214.098	(1.456.683.304)	1.872.260.760	(1.700.000.000)	26.722.371.036	26.894.631.796

Người lập:



Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Người phê duyệt:



Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐC ngày 5 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") về thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở đặt tại L9-12A, tầng 9, tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10 người (31 tháng 12 năm 2012: 10 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng vốn cổ phần của Công ty là 25.000.000.000 đồng Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Văn Trọng	Chủ tịch	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Trưởng ban	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Doãn Văn Nho	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Ngày 6 tháng 5 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Văn Trọng	Tổng Giám đốc	Ngày 6 tháng 5 năm 2008
Bà Lê Thị Kim Hoàng	Kế toán trưởng	Ngày 1 tháng 8 năm 2008

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND").

2.5 *Cơ sở hoạt động liên tục*

Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu gồm công cụ, dụng cụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản "Chi phí tài chính".

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

3.6.1 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành nhưng không xác lập khả năng ảnh hưởng đáng kể của Công ty đến hoạt động của các đơn vị này.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có.

3.6.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

3.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty. Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ. các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính dài hạn phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ không được thể hiện trong báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tiền mặt	2.708.239	3.026.305.079
Tiền gửi ngân hàng	9.031.761.420	682.115.274
Các khoản tương đương tiền	9.964.153.495	2.373.000.000
	18.998.623.154	6.081.420.353

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tiền gửi có kỳ hạn	-	17.560.000.000
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5.1)	401.045.000	549.372.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
	401.045.000	18.109.372.000

5.1 Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVCOMBANK)	100.000	360.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu (TC6)	5.000	41.045.000	3.500	40.900.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	-	-	20.000	246.000.000
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai (TDN)	-	-	14.800	177.640.000
Công ty Cổ phần Than Cao Sơn (TCS)	-	-	7.000	84.832.000
	105.000	401.045.000	45.300	549.372.000

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đây là các khoản phải thu từ việc bán các chứng khoán được thanh toán sau 3 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

Phải thu hoạt động nghiệp vụ là các khoản phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đây là tiền lãi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ			
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	176.121.000	508.524.000	41.796.097	726.441.097
Mua trong năm	33.440.000	-	-	33.440.000
Giảm khác (*)	(142.791.000)	-	(41.796.097)	(184.587.097)
Số dư cuối năm	66.770.000	508.524.000	-	575.294.000
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	171.677.000	367.267.242	41.796.097	580.740.339
Khấu hao trong năm	18.377.330	84.754.070	-	103.131.400
Giảm khác (*)	(142.791.000)	-	(41.796.097)	(184.587.097)
Số dư cuối năm	47.263.330	452.021.312	-	499.284.642
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	4.444.000	141.256.758	-	145.700.758
Số dư cuối năm	19.506.670	56.502.688	-	76.009.358

(*) Giảm khác là các khoản được điều chỉnh giảm hoặc chuyển sang chi phí chờ phân bổ do các tài sản này có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ
Phần mềm
máy tính

Nguyên giá

Số dư đầu năm	121.752.520
Giảm khác (*)	(28.436.920)
Số dư cuối năm	93.315.600

Giá trị hao mòn

Số dư đầu năm	121.752.520
Giảm khác (*)	(28.436.920)
Số dư cuối năm	93.315.600

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	-

(*) Giảm khác là các khoản được điều chỉnh giảm hoặc chuyển sang chi phí chờ phân bổ do các tài sản này có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản đầu tư vào 103.089 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa, có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí chuyển văn phòng	218.699.193	-
Đặt cọc thuê văn phòng	153.781.950	286.281.950
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.200.000	-
	385.681.143	286.281.950

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đây là các khoản phải trả chi phí tư vấn và chi phí quản lý hàng tháng dựa trên doanh thu quản lý danh mục đầu tư.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	436.895.224	371.389.436
Thuế thu nhập cá nhân	21.108.450	2.000.000
	458.003.674	373.389.436

15. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	%	Vốn pháp định đã góp
Ông Trần Văn Trọng	9.930.000.000	39,72%	9.930.000.000
Ông Võ Trọng Thủy	6.660.000.000	26,64%	6.660.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	5.910.000.000	23,64%	5.910.000.000
Ông Mai Hữu Tín	2.500.000.000	10,00%	2.500.000.000
	25.000.000.000	100,00%	25.000.000.000

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC – DAN BAU LLC

	VNĐ	
	Năm 2013	Năm 2012
Tiền gửi thanh toán		
Số đầu năm	8.022.949.506	294.829.223
Số tăng trong năm	330.767.816.172	370.967.906.451
Số giảm trong năm	(331.626.876.661)	(363.239.786.168)
Số cuối năm	7.163.889.017	8.022.949.506

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

17. DANH MỤC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
<i>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</i>		
- Cổ phiếu niêm yết	50.570.050.000	33.734.126.000
DPM	9.130.000.000	-
CSM	5.982.480.000	-
PVS	5.891.060.000	-
PLC	5.663.850.000	-
SSI	5.464.260.000	-
CTG	5.184.000.000	-
AGM	4.197.600.000	6.996.000.000
MSN	4.125.000.000	-
TDN	1.948.500.000	2.554.700.000
TC6	1.653.300.000	2.096.400.000
GAS	1.330.000.000	-
MBB	-	9.837.750.000
PGD	-	7.049.286.000
VFMVF1	-	3.864.240.000
TCS	-	574.750.000
CLC	-	480.000.000
PHR	-	281.000.000
- Cổ phiếu không niêm yết	5.300.580.000	4.609.200.000
CSF: Cty Cổ Phần sợi Thép Kỹ	5.300.580.000	4.609.200.000
- Chứng khoán khác	20.000.000.000	61.100.000.000
VPBNT - Kỳ Phiếu VPBank	20.000.000.000	61.100.000.000
	75.870.630.000	99.443.326.000

18. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải thu lãi kỳ phiếu	77.187.500	520.410.000
Phải thu do bán chứng khoán	27.564.057.351	2.900.679.417
	27.641.244.851	3.421.089.417

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả do mua chứng khoán	76.402.260	1.144.000.000
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	230.172.344	228.542.077
Phải trả khác	116.632.500	43.168.179
	423.207.104	1.415.710.256

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

20. DOANH THU

	VNĐ	
	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	2.745.412.091	2.886.828.636
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	1.560.745.234	-
	4.306.157.325	2.886.828.636

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VNĐ	
	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	922.144.330	1.732.097.180

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi	1.307.745.519	1.942.870.737
Lãi từ hoạt động tự doanh	575.743.216	660.997.580
Cổ tức, lợi nhuận được chia	261.337.500	293.996.750
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	15.778.386
	2.144.826.235	2.913.643.453

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm 2013	Năm 2012
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ từ hoạt động tự doanh	257.702.108	651.540.760
- Phí giao dịch chứng khoán	66.153.903	32.249.504
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(683.790.264)
	323.856.011	-

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nhân viên	1.427.375.000	517.575.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.736.476	886.907.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.131.400	103.084.446
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí khác	301.505.162	340.058.705
	2.795.748.038	1.851.626.274

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và lợi nhuận chịu thuế

	VNĐ	
	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận trước thuế	2.409.235.181	2.227.402.885
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	(261.337.500)	(207.275.489)
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	86.721.261
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(261.337.500)	(293.996.750)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	2.147.897.681	2.020.127.396
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm	536.974.421	505.031.849
Thuế TNDN phải trả/(thu) đầu năm	371.389.436	(133.642.413)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(471.468.633)	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	436.895.224	371.389.436

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty không có giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

27. CỔ TỨC

Trong năm, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức tương đương 1.700.000.000 VNĐ.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu.

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	1.872.260.760	1.722.371.036
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	2.500.000	2.500.000
Lãi trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	749	689

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Đến 1 năm	678.000.000	192.000.000
Từ 2 năm đến 3 năm	791.000.000	-
	1.469.000.000	192.000.000

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro tiền tệ

Công ty không có phát sinh rủi ro tiền tệ vì không có giao dịch và số dư tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác bao gồm phải thu từ bán chứng khoán, phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư và lãi tiền gửi. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản thu phí quản lý danh mục đầu tư là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ Quỹ thuộc quản lý của Công ty. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ bán chứng khoán là rất thấp và giao dịch này có thời gian thanh toán ngắn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Từ 3 tháng đến 12 tháng</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số cuối năm						
Phải trả						
người bán	-	46.034.469	-	-	-	46.034.469
Chi phí phải trả	-	22.400.000	-	-	-	22.400.000
	-	68.434.469	-	-	-	68.434.469
Số đầu năm						
Phải trả						
người bán	-	137.125.246	-	-	-	137.125.246
Chi phí phải trả	-	29.700.000	-	-	-	29.700.000
	-	166.825.246	-	-	-	166.825.246

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	401.045.000	18.109.372.000	401.045.000	18.109.372.000
Phải thu tiền bán chứng khoán	5.038.677.000	-	5.038.677.000	-
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	230.172.344	228.542.077	230.172.344	228.542.077
Phải thu khác	128.524.590	220.843.580	128.524.590	220.843.580
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.177.225.000	2.177.225.000		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.998.623.154	6.081.420.353	18.998.623.154	6.081.420.353
Tổng cộng	26.974.267.088	26.817.403.010		
Nợ tài chính phải trả				
Phải trả người bán	46.034.469	137.125.246	46.034.469	137.125.246
Chi phí phải trả	22.400.000	29.700.000	22.400.000	29.700.000
Tổng cộng	68.434.469	166.825.246	68.434.469	166.825.246

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu tiền bán chứng khoán, phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu khác, phải trả người bán và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (các cổ phiếu niêm yết) được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
- Khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công ty không thể xác định được giá trị hợp lý vì không có những hướng dẫn cụ thể để xác định giá trị hợp lý của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hùng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTQ

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán Trưởng

Ông Lê Anh Ngọc
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

